

CHỈ THỊ

Về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 với các yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung chủ yếu sau:

Căn cứ Nghị quyết số 36/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 và Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 về điều chỉnh, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 và Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 05/01/2016 của UBND tỉnh Ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm giai đoạn 2016-2020; tình hình thực hiện kế hoạch tài chính giai đoạn 2016 - 2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, các huyện, thành phố thực hiện đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2016 - 2020:

1. Đánh giá tình hình thực hiện tài chính 05 năm giai đoạn 2016-2020

a) Đánh giá việc ban hành các chế độ, chính sách về thu, chi theo thẩm quyền; số thu và số chi đối với các chế độ, chính sách này trong từng năm và 05 năm 2016 - 2020.

b) Đánh giá các kết quả chủ yếu về tài chính - ngân sách nhà nước, gồm:

Tổng số thu và cơ cấu thu ngân sách trên địa bàn từng năm và 05 năm; phân thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, trong đó chi tiết thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế; các yếu tố tác động đến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và các giải pháp về chính sách và quản lý thu đã triển khai nhằm huy động nguồn thu ngân sách nhà nước.

Tổng số thu phí, lệ phí thu được; số chi từ nguồn phí để lại cho các cơ quan thu và số tiền phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước.

Đánh giá cụ thể tình hình thực hiện cổ phần hóa và bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp giai đoạn 2016 – 2020 tại địa phương.

Tổng số chi và cơ cấu chi ngân sách của địa phương; trong đó chi tiết chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên; chi trả nợ lãi; việc cơ cấu lại chi ngân sách địa phương, kinh phí cắt giảm gắn với tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập và việc sử dụng nguồn kinh phí này trong từng năm và 05 năm qua; tổng chi quỹ lương của địa phương.

Tình hình bội chi ngân sách địa phương từng năm và bình quân 05 năm 2016 - 2020; quy mô huy động của địa phương từng năm và 05 năm, chi tiết theo nguồn vốn huy động, theo mục đích sử dụng; nợ chính quyền địa phương thời điểm cuối các năm và cơ cấu dư nợ theo nguồn vốn; huy động (vay lại nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; vay ngân quỹ nhà nước; vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam; vay ngân hàng thương mại và vay khác); việc chi trả nợ gốc và nguồn chi trả nợ gốc từng năm và 5 năm qua.

c) Đánh giá, nhìn nhận những hạn chế, khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các nhiệm vụ tài chính, ngân sách, nợ công; các nguyên nhân khách quan, chủ quan và bài học kinh nghiệm.

2. Lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025

Việc lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm, Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm, cơ chế đặc thù đối với các địa phương theo quy định và các văn bản pháp luật có liên quan; bám sát dự kiến trình Đại hội Đảng các cấp về các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 (trong đó có các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu về tài chính, ngân sách, nợ công); Nghị quyết số 07 của Bộ Chính trị; các Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW, số 27-NQ/TW, số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương Khóa XII; các Nghị quyết của Chính phủ triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương Khóa XII, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội; giả định tiếp tục các quy định tại thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020.

a) Dự báo tình hình kinh tế, tài chính, chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu tại địa phương (tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), chỉ số giá tiêu dùng (CPI), tăng trưởng của các lĩnh vực sản xuất, ngành hàng và giá các sản phẩm, hàng hóa chủ chốt) có ảnh hưởng đến khả năng huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách địa phương trong 05 năm giai đoạn 2021 - 2025;

b) Xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương; mục tiêu, định hướng huy động và phân phối các nguồn lực của địa phương trong thời gian 05 năm kế hoạch;

c) Xác định mục tiêu cụ thể, chủ yếu; khung về tài chính - ngân sách của địa phương trên cơ sở các chính sách, chế độ hiện hành; bao gồm:

- Thu và cơ cấu thu ngân sách trên địa bàn phù hợp với các dự kiến trình cấp thẩm quyền về định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong cùng kỳ; thu ngân sách địa phương được hưởng theo, cơ chế của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 (chi tiết thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế); các yếu tố tác động đến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm huy động nguồn thu ngân sách nhà nước, đặc biệt là các doanh nghiệp, lĩnh vực có nguồn thu lớn.

- Chi ngân sách địa phương, gồm: Tổng chi và cơ cấu chi ngân sách trên cơ sở các cơ chế, chính sách năm 2020, chi tiết theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi và tổng chi quỹ lương của địa phương; các yếu tố tác động đến chi ngân sách địa phương, trong đó có việc cắt giảm kinh phí gắn với triển khai các mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm đảm bảo cơ cấu chi hợp lý, bền vững, nâng cao hiệu quả chi ngân sách địa phương;

- Dự kiến nguồn thực hiện chính sách mới theo quy định (chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII,...); chi tiết nguồn tăng thu, nguồn tiết kiệm chi, nguồn dành ra từ việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.

- Cân đối ngân sách địa phương: Bội chi hoặc bội thu ngân sách địa phương; tổng mức vay của ngân sách địa phương, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách địa phương;

d) Các chỉ tiêu về quản lý nợ của địa phương, gồm: Hạn mức vay, dư nợ vay của chính quyền địa phương; dự kiến vay, trả nợ; các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm đảm bảo an toàn, bền vững nợ của chính quyền địa phương;

đ) Dự báo những rủi ro tác động đến khung cân đối ngân sách địa phương và các chỉ tiêu quản lý về nợ của chính quyền địa phương;

e) Các giải pháp tài chính khác nhằm thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh.

3. Phân công và tiến độ xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP, Nghị định số 31/2017/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan và trên cơ sở Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, giao Sở Tài chính chủ trì, phối

hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành tỉnh, các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương tham mưu UBND tỉnh, gửi xin ý kiến và hoàn chỉnh theo ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi tham mưu UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định; lưu ý tiến độ xây dựng cần đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận: *lg*

- TT.TU tỉnh;
- TT.HĐND tỉnh; các Ban HĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các DNNN tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VT VP.

(Dương Thảo 2019 70. CVUB)

Đ



Dương Văn Thắng